

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG VIỆC HỌC TIẾNG ANH CỦA HỌC SINH KHỐI LỚP 11 TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

• Lê Thu Gương^(*), TS. Đỗ Minh Hùng^(**)

Tóm tắt

Bài viết trình bày thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong học tiếng Anh của học sinh khối lớp 11, Trường Trung học phổ thông Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Kết quả cho thấy, học sinh chưa được tiếp cận nhiều, khai thác chưa hiệu quả những tiện ích sẵn có của công nghệ thông tin vào việc học tiếng Anh cả trong và ngoài giờ học chính khóa, mặc dù hầu hết các em đều ý thức được vai trò quan trọng của nguồn tài nguyên hữu dụng này. Qua đó, bài viết đề xuất một số định hướng về nội dung liên quan nhằm nâng cao hiệu quả việc học tiếng Anh cho học sinh phổ thông với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin.

Từ khóa: Công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, học sinh, giáo viên.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và văn hóa như hiện nay, ngoại ngữ đóng một vai trò quan trọng, trong đó, tiếng Anh là ngôn ngữ được nhiều người sử dụng nhất trên thế giới. Vì vậy, việc nâng cao và đổi mới phương pháp dạy và học tiếng Anh là một nhiệm vụ cấp thiết trong hệ thống giáo dục. Một trong những bước tiến quan trọng trong chính sách đổi mới này chính là việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong quá trình dạy và học tiếng Anh cho học sinh (HS)/sinh viên (SV) và người học ngoại ngữ nói chung. Việc ứng dụng CNTT giúp khắc phục được những hạn chế của phương pháp dạy học truyền thống, nâng cao hiệu quả học tập, mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho cả giáo viên (GV) và HS. GV có thể tiết kiệm thời gian và chi phí trong việc biên soạn và chuẩn bị những phương tiện dạy học truyền thống trong quá trình giảng bài cho HS, thu hút HS vào bài học một cách dễ dàng và hiệu quả. Bên cạnh đó, HS cảm thấy hứng thú hơn với bài học, phát huy tối đa tính sáng tạo và nâng cao ý thức tự học, giúp họ sớm tự tin sử dụng thành thạo ngôn ngữ mình được học. Tăng cường ứng dụng CNTT trong giảng dạy ở nhà trường nói chung và trong học ngoại ngữ/tiếng Anh nói riêng đã được xác định tương minh qua các văn bản pháp lý như: Công văn số 5041/BGDĐT-CNTT, ngày 16 tháng 9 năm 2014 về việc *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ*

CNTT năm học 2014 - 2015; Công văn số 306/CV-ĐANN, ngày 18 tháng 11 năm 2013 Về Bồi dưỡng ứng dụng CNTT trong giảng dạy ngoại ngữ cho GV tiếng Anh cho các trường cao đẳng, đại học.

Tuy nhiên, việc ứng dụng CNTT trong dạy và học tiếng Anh hiện nay vẫn còn một số hạn chế, bất cập, nhất là ở cấp học phổ thông như: chưa khai thác hết những lợi ích mà CNTT mang lại; một số GV chưa được cập nhật kiến thức và kỹ năng sử dụng CNTT; HS chỉ mới bước đầu được tiếp cận với CNTT nên chưa thành thạo; một số HS chưa được tiếp cận nhiều thì chưa biết cách khai thác để tự học có hiệu quả; còn đối với những HS đã được tiếp cận sớm với CNTT lại có tâm lý dựa dẫm, phụ thuộc vào chúng, chưa phát huy hết khả năng và sự sáng tạo của mình. Vì vậy, dựa vào những lợi ích và thực trạng ứng dụng CNTT trong học tiếng Anh của HS hiện nay, chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Ứng dụng CNTT trong việc học tiếng Anh của HS khối lớp 11 Trường Trung học phổ thông (THPT) Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp”.

2. Phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Với sự cho phép và đề xuất của Ban giám hiệu Trường THPT Thành phố Cao Lãnh, chúng tôi quyết định chọn đối tượng nghiên cứu là HS khối 11. Vì Ban giám hiệu Trường cho rằng: HS khối 10 chưa được ổn định và chưa có nhiều cơ hội tiếp cận với CNTT trong giờ học, còn HS lớp 12 thì đang tập trung cố gắng học tập và ôn luyện cho các kỳ thi học kỳ và quốc gia, cho nên HS khối 11 là sự lựa chọn tối ưu nhất để tiến hành nghiên cứu và thu thập dữ liệu.

^(*) Sinh viên, Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp.

^(**) Khoa Sư phạm Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp.

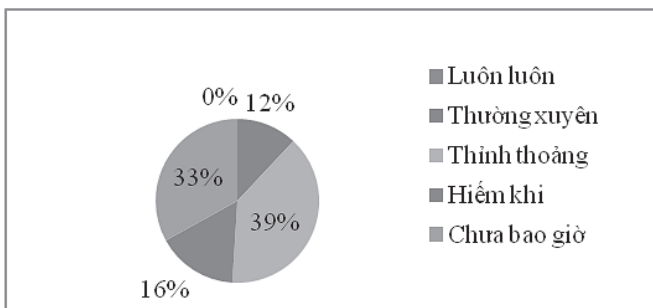
Phương pháp: Khảo sát thông qua phiếu khảo sát (questionnaire). Có 224 HS khối 11 của Trường THPT Thành phố Cao Lãnh tham gia trả lời phiếu khảo sát ngay tại lớp học.

Thực nghiệm: Chúng tôi đã mời 10 HS ngẫu nhiên từ các HS khảo sát trên tham gia chương trình thực nghiệm. Đầu tiên, chúng tôi cho HS làm một bài kiểm tra nhỏ để đánh giá năng lực thực tại của HS. Sau đó, HS được gửi các bài học và bài tập tiếng Anh về nội dung các em đang học (phần Ngữ pháp - Grammar) trong chương trình học chính khóa qua email/facebook liên tục trong 10 tuần. Chúng tôi giám sát, đánh giá, sửa bài và chấm điểm cho mỗi HS. Tiếp tục, chúng tôi cho HS làm một bài kiểm tra để so sánh sự thay đổi sau 10 tuần tự học. Cuối cùng, chúng tôi phỏng vấn trực tiếp 10 HS này về hiệu quả của chương trình thực nghiệm và một số các hoạt động khác liên quan đến việc khai thác CNTT trong học tiếng Anh.

3. Kết quả nghiên cứu

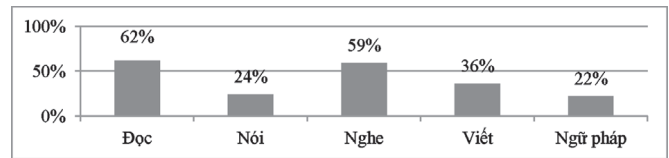
3.1. Thực trạng ứng dụng CNTT trên lớp học

Qua kết quả khảo sát, hầu hết HS đều thích học tiếng Anh với sự hỗ trợ của CNTT (88%), chỉ có 6% HS không thích học, còn lại 4% không có ý kiến.



Biểu đồ 1. Mức độ HS tiếp cận ứng dụng CNTT trong giờ học

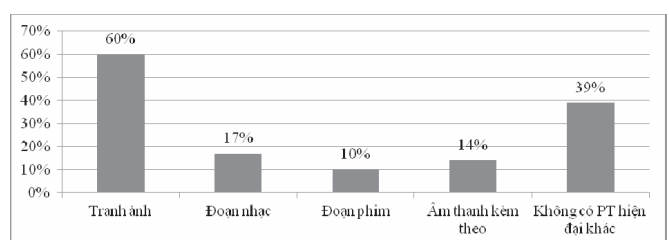
Biểu đồ 1 thể hiện mức độ thường xuyên được tiếp cận CNTT trong giờ học tiếng Anh của học sinh khối 11, Trường THPT Thành phố Cao Lãnh. Trong đó, có 12% HS cho biết thường xuyên được học những giờ học tiếng Anh có ứng dụng CNTT, 39% HS xác nhận chỉ thỉnh thoảng được tiếp cận với CNTT, hiếm khi là 16% và đặc biệt 33% HS cho biết chưa bao giờ được tiếp cận với CNTT trong giờ học. Vì thế, chúng tôi có thể kết luận rằng, mức độ tiếp cận những giờ học có ứng dụng CNTT ở môn tiếng Anh của HS khối 11 Trường THPT Thành phố Cao Lãnh là chưa thường xuyên.



Biểu đồ 2. Bài giảng điện tử được sử dụng trong giảng dạy các kỹ năng

Bên cạnh đó, các tiết học có ứng dụng CNTT, GV chủ yếu sử dụng bài giảng điện tử trong các tiết học dạy kỹ năng đọc (62%), tiếp đến là kỹ năng nghe (59%), kỹ năng viết (36%), kỹ năng nói (24%) và hạn chế nhất là ngữ pháp (22%) (Biểu đồ 2). Cụ thể hơn trong mỗi kỹ năng, với mong muốn làm nổi bật nội dung chính của bài học, GV chủ yếu sử dụng các “kênh chữ” ở phần trọng tâm của bài học (65%); tiếp đến là phần khởi động và mở đầu (28%) nhằm “đánh thức” sự năng động của HS và thu hút HS vào bài học; hạn chế nhất là phần kết thúc và bài tập về nhà (7%).

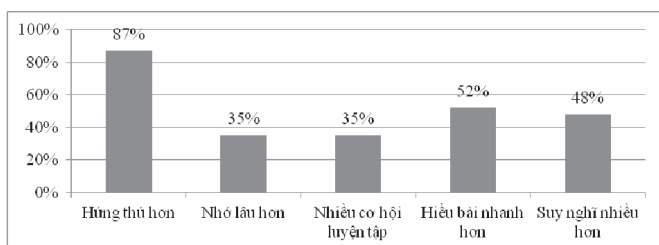
Ngoài các “kênh chữ”, GV còn sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại khác giúp cho bài học thêm thú vị và hiệu quả. Cụ thể, kết quả khảo sát cho thấy 60% tranh ảnh được sử dụng kèm với các “kênh chữ”, tiếp đến là đoạn nhạc (17%), âm thanh kèm theo các chuyển động và hiệu ứng như tiếng vỗ tay trong các trò chơi nhỏ hay các âm thanh khác với mục đích làm cho lớp học thêm sinh động (14%), cuối cùng là đoạn phim minh họa (10%). Đáng lưu ý là gần 40% các tiết dạy chỉ sử dụng duy nhất các trang có chữ - không có bất kỳ các phương tiện dạy học hiện đại nào khác đi cùng, điều này sẽ làm ảnh hưởng đến tính sinh động và hiệu quả của tiết học. Nhìn chung, trong các bài giảng điện tử tiếng Anh được dạy trên lớp, GV thường sử dụng chủ yếu các hình ảnh minh họa, kèm với các trang có chữ, thiếu ứng dụng các phương tiện dạy học hiện đại vào bài giảng để tăng tính sinh động của bài giảng, thu hút và tạo hứng thú học tập của HS.



Biểu đồ 3. Các phương tiện dạy học hiện đại ứng dụng trong bài giảng trên lớp

Lợi ích của bài giảng điện tử: Qua kết quả khảo sát, 86% HS cho rằng bài giảng hữu ích cho quá trình học; chỉ có 1% HS cho rằng bài giảng điện tử không có ích; còn lại 13% HS là không có ý kiến. Nhìn chung, tất cả HS được khảo sát đều nhận thức được lợi ích trong việc ứng dụng CNTT vào bài học.

Chi tiết hơn, qua số liệu khảo sát được thể hiện ở Biểu đồ 4 sẽ cho thấy những lợi ích cụ thể mà CNTT đã mang lại cho HS trong quá trình học tập. Trong tất cả HS được khảo sát, có 87% HS cảm thấy giờ học trở nên sinh động và thú vị hơn khi bài giảng có sử dụng những phương tiện dạy học hiện đại, từ đó HS có nhiều cảm hứng để học tập hơn. Tiếp theo, có 52% HS cho biết họ hiểu bài nhanh hơn và 48% HS thấy bản thân tư duy, suy nghĩ nhiều hơn trong quá trình học tập khi bài giảng sinh động nhờ có ứng dụng CNTT. Đồng thời, có 35% HS nói rằng, họ nhớ bài lâu hơn và có nhiều cơ hội để luyện tập, tương tác nhiều hơn với GV và bạn bè trong lớp hơn. Tóm lại, lợi ích lớn nhất và dễ nhận thấy nhất của việc ứng dụng CNTT vào giảng dạy, đó là giúp HS cảm thấy hứng thú hơn và học tập tích cực hơn.



Biểu đồ 4. Những lợi ích của việc ứng dụng CNTT trong bài giảng

Bên cạnh những lợi ích mà CNTT đã mang lại cho HS trong quá trình học tập, qua thực tiễn khảo sát, chúng tôi nhận thấy HS cũng gặp phải một số khó khăn và hạn chế nhất định trong các giờ dạy có ứng dụng CNTT như 86% HS được khảo sát cho biết không kịp ghi chú và theo dõi bài giảng, vì GV trình chiếu bài giảng quá nhanh hoặc các trang trình chiếu trên bài giảng điện tử có quá nhiều chữ. 54% HS cho rằng, họ không nhìn rõ chữ hoặc hình ảnh trên các trang trình chiếu vì kích cỡ chữ quá nhỏ hay màu sắc không nổi bật. Hạn chế đáng lưu ý nhất là HS dễ bị phân tâm hay không tập trung tốt vào bài học do GV sử dụng quá nhiều các tranh ảnh, đoạn phim, hình

động hay hiệu ứng chưa đúng lúc, đúng chỗ và không cần thiết. Như vậy, có thể thấy được hạn chế lớn nhất trong việc ứng dụng bài giảng điện tử trong giờ dạy chính là HS không theo kịp bài dạy và rất mất tập trung.

3.2. Thực trạng ứng dụng CNTT trong tự học

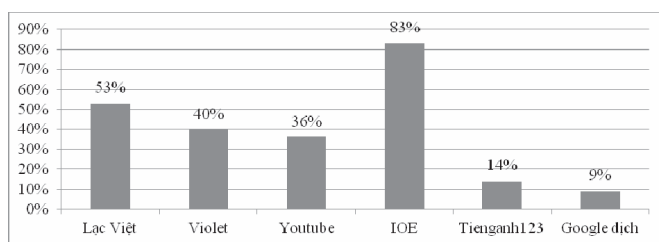
Ngày nay, tự học đóng một vai trò quyết định đối với kết quả học tập của HS và người học nói chung. Đã có nhiều định nghĩa khác nhau về khái niệm “tự học”. Theo Đặng Vũ Hoạt và Hà Thị Đức [1], thì “Tự học là một hình thức tổ chức dạy học cơ bản ở đại học. Đó là một hình thức nhận thức của cá nhân, nhằm nắm vững hệ thống tri thức và kỹ năng do chính người học tự tiến hành ở trên lớp hoặc ở ngoài lớp, theo hoặc không theo chương trình và sách giáo khoa đã được qui định”. Còn trong bài phát biểu tại hội thảo Nâng cao chất lượng dạy học tổ chức vào tháng 11 năm 2005 tại Đại học Huế, Trần Phương [2] cho rằng: “Học bao giờ và lúc nào cũng chủ yếu là tự học, tức là biến kiến thức khoa học tích lũy từ nhiều thế hệ của nhân loại thành kiến thức của mình, tự cải tạo tư duy của mình và rèn luyện cho mình kỹ năng thực hành những tri thức ấy”. Trong khi đó, Hoclec [3] lại nhấn mạnh đến năng lực tự chịu trách nhiệm về tất cả những quyết định liên quan đến việc học của bản thân người học, cụ thể như về mục tiêu, nội dung, tiến trình, phương pháp và đánh giá kết quả học tập. Từ những khái niệm trên, có thể khái quát thành “Tự học là quá trình học tập của cá nhân với tinh thần trách nhiệm, chủ động, tích cực nhằm lĩnh hội tri thức, kỹ năng để phục vụ cho quá trình học tập và làm việc của bản thân”. Vì thế, tự học hay cụ thể hơn là tự học với sự hỗ trợ của CNTT là một hình thức học mới, giúp nâng cao kết quả học tập của HS.

Nghiên cứu về hoạt động tự học ngôn ngữ/ngoại ngữ từ những góc độ, hướng tiếp cận khác nhau nhìn chung đã được bàn luận nhiều; cụ thể như từ quan điểm, nhận thức, niềm tin của người dạy, người học [4], [5], từ việc triển khai các chương trình thực nghiệm [6], [7], [8]. Về tổng thể, các kết quả nghiên cứu là tích cực, khuyến khích phát triển năng lực tự học của người học. Tuy vậy, những đề tài nghiên cứu căn bản, dài hạn tìm hiểu xem trên thực tế HS phổ thông được tiếp cận CNTT trong lớp học và khai thác nó

ngoài lớp học cho việc học tiếng Anh ra sao chưa được triển khai nhiều. Do vậy, nghiên cứu của chúng tôi ít nhiều sẽ đóng góp ý nghĩa thiết thực trong tình hình hiện nay.

Ngoài giờ học trên lớp, việc tự học của HS đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình học tập. Muốn tự học có hiệu quả nói chung, cũng như tự học môn tiếng Anh với sự hỗ trợ của CNTT nói riêng, HS cần phải có sự hướng dẫn của GV. GV có nhiệm vụ hướng dẫn, giới thiệu các trang mạng dạy học, phần mềm tự học cho HS có thể tự học ở nhà. Tuy nhiên, qua kết quả khảo sát, có 71% HS cho biết, GV chỉ thỉnh thoảng thậm chí hiếm khi giới thiệu các trang mạng và từ điển điện tử cho họ. Đặc biệt, 20% GV nói rằng, chưa bao giờ giới thiệu việc ứng dụng CNTT để HS tự học. Chỉ có 9% HS thừa nhận, GV thường xuyên chia sẻ các trang mạng, từ điển điện tử học tiếng Anh cho họ. Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy, GV ít quan tâm đến việc hỗ trợ HS ứng dụng CNTT trong việc tự học tiếng Anh ngoài giờ lên lớp.

Trong đó, Biểu đồ 5 thể hiện cụ thể các trang mạng và từ điển điện tử mà GV thường giới thiệu cho HS tự học tiếng Anh ngoài giờ lên lớp. Vì trong hệ thống trường phổ thông hiện nay có tổ chức cuộc thi HS giỏi tiếng Anh qua mạng cho HS (IOE), nên hầu hết HS (83%) đều được GV giới thiệu trang mạng này (IOE); tiếp đến là Từ điển điện tử Lạc Việt, vì HS có thể cài đặt trực tiếp trên điện thoại di động và máy tính miễn phí và có thể học mọi lúc mọi nơi (53%); trang Bài giảng, đề thi, đề kiểm tra Violet (40%); trang Học tiếng Anh tổng hợp nhưng chủ lực lớn nhất là Nghe - Nói - Youtube (36%), trang học tiếng Anh trực tuyến chủ yếu dành cho HS phổ thông tienganh123 (14%); và ít nhất là Google dịch (9%).



Biểu đồ 5. Trang mạng, từ điển điện tử GV giới thiệu cho HS

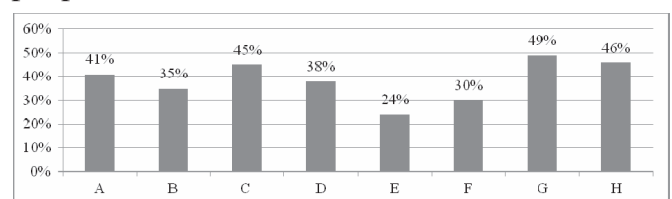
Qua thông tin khảo sát về quá trình học tập ở nhà, có 61% HS cho biết chỉ làm các bài tập về

nhà mà GV đã giao, 58% HS có ôn lại kiến thức đã học, 51% HS chuẩn bị bài cho tiết học mới. Trong đó, HS thường chỉ làm thêm bài tập trong sách bài tập, sách tham khảo (23%) và số HS thường học thêm qua Internet cũng không cao (22%). Từ kết quả trên ta thấy, HS chủ yếu cố gắng hoàn thành nhiệm vụ GV giao về nhà, chưa có ý thức tự học để nâng cao trình độ.

Đồng thời, ý thức ứng dụng CNTT trong quá trình tự học của HS cũng không cao. Theo kết quả khảo sát, chỉ có 48% HS thỉnh thoảng ứng dụng CNTT để tự học tiếng Anh, đáng chú ý là 28% HS thừa nhận hiếm khi hoặc chưa bao giờ tự học qua mạng, chỉ có 24% nói rằng họ thường xuyên hay luôn luôn ứng dụng CNTT để học tiếng Anh. Nhìn chung, mức độ HS ứng dụng CNTT để tự học tiếng Anh ở nhà hiện nay còn rất thấp. Trong số đó, các HS có ứng dụng CNTT để tự học tiếng Anh bằng cách thông qua các trang mạng và phần mềm tin học, trong đó, từ điển điện tử được các HS sử dụng nhiều nhất (49%), tiếp theo là HS tự học qua các trang mạng như: Youtube (45%), Violet (38%), Facebook (20%), IOE (16%). Tuy rằng, IOE là trang mạng học tiếng Anh được GV giới thiệu cho HS tự học nhiều nhất nhưng số lượng HS ứng dụng để tự học rất ít; kế tiếp là *tienganh123* (8%) và ít nhất là *Skype* và *Google dịch* (3%).

Từ đó, ta thấy số lượng và tần suất HS sử dụng các trang mạng và từ điển điện tử để học tiếng Anh chưa cao.

Lợi ích khi ứng dụng CNTT trong tự học tiếng Anh: khi được hỏi về tính hiệu quả của việc ứng dụng CNTT trong tự học tiếng Anh, 95% HS nhận thấy được tính hữu ích và vai trò quan trọng của việc sử dụng những phương tiện công nghệ hiện đại vào quá trình tự học tiếng Anh. Trong đó, mang lại hiệu quả cao nhất là giúp HS rèn luyện và nâng cao các kỹ năng nghe, nói và ngữ pháp (Biểu đồ 6).



Biểu đồ 6. Lợi ích cụ thể của ứng dụng CNTT trong việc tự học

Chú thích: A: biết cách đọc và nghĩa của những từ vựng

B: dễ hiểu, dễ tiếp thu
C: tăng sự yêu thích đối với tiếng Anh và tăng động lực tự học

D: sinh động, thú vị

E: hiểu sâu hơn, nâng cao và biết thêm kiến thức mới

F: nhớ lâu hơn

G: luyện tập Nghe - Nói có hiệu quả

H: luyện tập Ngữ pháp có hiệu quả

Tuy việc ứng dụng CNTT trong tự học tiếng Anh đã mang lại cho HS những lợi ích đáng ghi nhận nhưng trên thực tế, HS chưa ứng dụng CNTT để tự học tập một cách thường xuyên, vì một số lí do chủ quan và khách quan khác nhau. Qua khảo sát ý kiến HS, 64% HS nói rằng họ không có nhiều thời gian để ứng dụng CNTT tự học, 33% HS cho biết các phương tiện hiện đại của họ không có kết nối với Internet, 32% HS thừa nhận họ không có phương tiện để tự học, chỉ có 1% HS cho rằng ứng dụng CNTT không hữu ích cho việc tự học của họ. Bên cạnh đó, qua quá trình phỏng vấn, một số HS cho biết vì GV hiếm khi giới thiệu các trang mạng cho HS tự học nên HS cũng không có nhiều hứng thú và động lực để tự học qua mạng.

3.3. Một số đề xuất nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT trong học tiếng Anh của HS

Qua thực tiễn học tập của bản thân và kết quả khảo sát, chúng tôi xin đề xuất một số ý kiến mang tính định hướng để giúp cho việc học tập trên lớp và việc tự học tiếng Anh ở nhà của HS mang lại kết quả cao hơn:

3.3.1. Nhà trường và giáo viên

- Nhà trường tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và phương tiện dạy học hiện đại giúp cho GV và HS có nhiều cơ hội hơn để tiếp cận với CNTT trong quá trình học tiếng Anh giúp nâng cao kết quả học tập.

- Nhà trường phối hợp cùng các đơn vị liên quan thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn và trao đổi kinh nghiệm về phương pháp dạy học tiếng Anh để GV có thể cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ và kĩ năng trong việc khai thác các nguồn tài nguyên khác nhau giúp thiết kế bài giảng thêm sinh động, hấp dẫn, thu hút HS. Đồng thời, thông qua việc tổ chức các cuộc thi GV dạy giỏi có ứng dụng CNTT để khuyến khích tinh thần tự giác và nhiệt tình của GV.

- GV nên mạnh dạn đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao tinh thần tự giác, tích cực và không ngừng học hỏi nâng cao trình độ và kĩ năng

trong việc khai thác các nguồn tài nguyên giúp soạn thảo tốt bài giảng điện tử. Khi ứng dụng CNTT để dạy học, GV nên chuẩn bị các trang thiết bị cũng như bài giảng chu đáo, sử dụng phối hợp có hiệu quả các loại phương tiện hiện đại và truyền thống, xem xét số lượng, kích cỡ chữ viết, độ tương phản các màu sắc trên một trang hay các hiệu ứng và âm thanh phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ... tránh làm cho HS bị phân tâm quá nhiều khỏi nội dung bài học. Có như vậy, tiết học ứng dụng CNTT mới có thể mang lại kết quả tốt nhất cho HS.

- GV thường xuyên giới thiệu các nguồn học tiếng Anh đáng tin cậy và hiệu quả cho HS; đồng thời giao cho HS làm một bài tập nhỏ trên mạng như một nhiệm vụ về nhà. Nó vừa giúp HS ôn lại và luyện tập kiến thức mình đã học vừa giúp cho HS tập làm quen với việc học qua mạng. Từ đó, HS có thể tự học thêm những gì mà mình có nhu cầu.

3.3.2. Về phía HS

- HS phải có ý thức làm quen với các phương tiện dạy học hiện đại và có ý thức tận dụng những lợi ích mà CNTT mang lại, tập trung vào nội dung bài học, không nên quá mải mê theo các hình ảnh và các đoạn nhạc/ phim GV đã sử dụng mà quên ghi chú và theo dõi bài học.

- HS cần phải làm quen và có ý thức tích cực, tự giác ứng dụng CNTT để tự học. Trước tiên, HS nên tham khảo các trang mạng và từ điển điện tử mà GV đã giới thiệu vì mức độ tin cậy và phù hợp với trình độ, điều kiện của HS tương đối cao. Sau đó, HS có thể dành thời gian để tìm kiếm các nguồn học khác tốt hơn, có thể đáp ứng được nguyện vọng học của mình ở các kĩ năng khác nhau.

- Khi tự học, HS nên tập trung vào nội dung bài học của mình - không lơ là, phân tâm hay nghĩ đến các vấn đề khác - để tránh việc bị cuốn hút bởi các trò chơi hay các trang mạng xã hội khi được tiếp cận với mạng Internet hay máy tính.

4. Kết luận

Cùng với sự phát triển nhanh chóng và vượt bậc của CNTT, việc ứng dụng CNTT trong giáo dục cũng đã và đang được áp dụng một cách rộng rãi, đặc biệt là trong giảng dạy và học tiếng Anh. Tuy nhiên, qua kết quả nghiên cứu chúng tôi thấy rằng, hiện nay việc ứng dụng CNTT trong giáo

dục chỉ mới dừng lại ở việc sử dụng bài giảng điện tử trong một số giờ học mẫu, thao giảng và một số giờ dạy thông thường cho HS, chứ chưa được áp dụng một cách thường xuyên và trải đều cho đa số các giờ dạy. Điều đáng lưu ý là việc ứng dụng CNTT chỉ mới được quan tâm và chú trọng trong việc dạy của GV trên lớp, chưa được đầu tư và quan tâm đúng mức trong việc tự học sau giờ học chính khóa của HS. Trong khi đó, tự học được xem là bí quyết bền vững nhất giúp HS có thể nâng cao khả năng tiếng Anh của mình. Vì vậy, đây cũng chính là những vấn đề không chỉ để GV mà còn cả phụ huynh và HS suy xét và cân nhắc.

Qua bài viết, chúng tôi đưa ra những lợi ích và những khó khăn nhất định mà HS gặp phải trong quá trình tiếp cận với CNTT, từ đó đề xuất một số ý kiến mang tính định hướng để giúp cho việc ứng dụng CNTT vào việc học trên lớp và tự học của HS đạt kết quả cao hơn. Nhưng muốn được như vậy, cần phải có sự quan tâm, đầu tư, giúp đỡ hơn nữa từ phía các cấp, các ngành, nhà trường và phụ huynh HS, sự năng động, nhiệt tình từ phía GV và quan trọng nhất chính là ý thức tự giác học tập của HS. Có được như vậy thì HS mới ngày càng yêu thích tiếng Anh và sớm sử dụng tiếng Anh như một công cụ đắc lực giúp ích cho họ trong quá trình học tập, làm việc sau này./.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2013), *Lí luận dạy học đại học*, NXB Đại học Sư phạm.
- [2]. Trần Phương (2005), “Nâng cao chất lượng dạy học”, Bài phát biểu tại hội thảo Trường Đại học Huế.
- [3]. Holec, H. (1981), *Autonomy and foreign language learning*, Oxford: Pergamon Press.
- [4]. Barillaro, F. (2011), *Teacher perspectives of learner autonomy in language learning*, MA dissertation, Sheffield Hallam University.
- [5]. Cotterall, S. (1995), *Readiness for autonomy: Investigating learner beliefs*. *System* 23(2), p. 195-205.
- [6]. Chuk, J. Y. P. (2010), *Learning to teach, teaching to learn: a longitudinal study of student teachers' autonomous development*, Doctoral thesis, University of Hong Kong.
- [7]. Kamberi, L. (2013), “Promoting learner autonomy in foreign language learning by using student journals”, *1st Annual Interdisciplinary Conference (AIC)*, 24-26 April, 2013, Azores, Portugal), p. 408-412.
- [8]. Littlewood, W. (1999), Defining and developing autonomy in East Asian contexts. *Applied Linguistics*, 20(1), p. 71-94.

INFORMATION TECHNOLOGY IMPLEMENTED IN ENGLISH LEARNING BY 11th GRADERS AT CAO LANH CITY HIGH SCHOOL

Summary

The paper presents research results on information technology implemented in English learning by 11th graders at Cao Lanh City High School, Dong Thap Province via a questionnaire and experimental programme. The results show that generally students did not widely access and explore available uses of information technology in their English learning both inside and outside classroom although they all perceived its important role. Accordingly, the paper provides suggestive orientations in order to enhance high school students' English learning aided by information technology.

Key words: Information technology, information technology implementation, student, teacher.